

SỞ Y TẾ NINH THUẬN
TRUNG TÂM Y TẾ NINH SƠN



DANH MỤC KHUNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH
KHOA LIÊN CHUYÊN KHOA (RĂNG HÀM MẶT - MẮT - TAI MŨI HỌNG)

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/07/2019 của Bộ Y tế
và Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 của UBND Tỉnh Ninh Thuận)*

I. DỊCH VỤ CHUYÊN KHOA TAI MŨI HỌNG:

STT	Mã	Tên	Giá BH	Giá DV
1	K28.1918	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Tai - Mũi - Họng	149100	149100
2	15.1898	Khám Tai mũi họng	30500	30500
3	03.2155.0869	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	271000	271000
4	15.0207.0878	Chích áp xe quanh Amidan	263000	263000
5	15.0223.0879	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	263000	263000
6	03.2119.0505	Chích nhọt ống tai ngoài	186000	186000
7	03.2118.0882	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	47900	47900
8	03.1957.1033	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	30700	30700
9	02.0150.0114	Hút đờm hầu họng	11100	11100
10	15.0051.0216	Khâu vết rách vành tai	178000	178000
11	15.0222.0898	Khí dung mũi họng	17600	17600
12	03.2184.0899	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	20000	20000
13	15.0213.0900	Lấy dị vật hạ họng	40800	40800
14	15.0212.0900	Lấy dị vật họng miệng	40800	40800
15	15.0143.0907	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	194000	194000
16	03.2117.0901	Lấy dị vật tai	62900	62900
17	15.0054.0903	Lấy dị vật tai (gây mê/ gây tê)	155000	155000

18	15.0059.0908	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	62900	62900
19	20.0013.2048	Nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng	40000	40000
20	15.0140.0916	Nhét bắc mũi sau	116000	116000
21	15.0141.0916	Nhét bắc mũi trước	116000	116000
22	04C3.5.1.261	Rửa chấm thuốc điều trị viêm loét niêm mạc (1 lần)	32300	32300

Ghi chú:

* Giá dịch vụ áp dụng Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 29/07/2019 (có hiệu lực từ ngày 9/08/2019) và giá Bảo hiểm áp dụng Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế: Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.